

PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC TRONG DẠY HỌC CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH TIN HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Nguyễn Thị Như Quyên^{1*} và Nguyễn Thị Mỹ Dung²

¹Trung tâm Học liệu Lê Văn Hùng, Trường Đại học Đồng Tháp

²Khoa Sư phạm Toán - Tin, Trường Đại học Đồng Tháp

*Tác giả liên hệ: ntnquyen@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 06/12/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 13/01/2022; Ngày duyệt đăng: 07/3/2022

Tóm tắt

Kiểm tra đánh giá là một nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động dạy học, thể hiện hiệu quả, giá trị và chất lượng của quá trình dạy học. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên để phát hiện những điểm mạnh, điểm yếu của cả người dạy và người học nhằm hoàn thiện phẩm chất, năng lực của người dạy và người học. Đánh giá kết quả học tập người học là điều cần thiết để đo lường sự tiến bộ và khả năng của từng cá nhân. Kết quả kiểm tra đánh giá là cơ sở để giảng viên đổi mới, cải tiến các kế hoạch, tổ chức lớp học, phương pháp dạy học và kể cả nội dung học tập...nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục và đào tạo. Bài viết này là kết quả của quá trình nghiên cứu quá trình học tập, kiểm tra đánh giá đối với sinh viên Tin học. Chúng tôi sử dụng phép so sánh, đối chiếu với các hình thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên với các môn chuyên ngành Tin học tại trường Đại học Đồng Tháp dựa trên 2 nhóm đánh giá là: (1) Đánh giá theo phát huy cá nhân hóa người học, (2) Đánh giá theo dự án (project). Bài viết thể hiện các nội dung theo logic như sau: Giới thiệu chung về các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên; Tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập; Kết quả thu được; Nhận xét; Và một số đề xuất cho vấn đề nghiên cứu.

Từ khóa: Kiểm tra đánh giá, kết quả học tập, người dạy, người học, tiếp cận năng lực.

ASSESSMENT METHODS OF CAPACITY-BASED LEARNING OUTCOMES IN TEACHING INFORMATICS SUBJECTS AT DONG THAP UNIVERSITY

Nguyen Thi Nhu Quyen^{1*} and Nguyen Thi My Dung²

¹*Le Vu Hung Resources Center, Dong Thap University*

²*Faculty of Mathematics and Informatics Teacher Education,
Dong Thap University*

*Corresponding author: ntnquyen@dtu.edu.vn

Article history

Received: 06/12/2021; Received in revised form: 13/01/2022; Accepted: 07/3/2022

Abstract

Assessment is an important task in teaching activities, demonstrating effectiveness, value and quality of the educational process. Assessing students' learning outcomes is to detect strengths and weaknesses of both lecturers and learners for improvement. This task is essential to measuring individual progress and abilities. Those outcomes are the basis for lecturers to innovate and improve plans, class organization, teaching methods and even learning content to achieve educational goals. This article is the result of the study on the learning, testing and evaluating process of Informatics students. We use comparison and contrast methods to assess students' learning outcomes with specialized subjects of Informatics at Dong Thap University based on two assessment groups: (1) learners' individualization-prompted assessment, and (2) project-based assessment. The article presents the contents as follows: General introduction to the methods of testing and assessing students' learning outcomes; Organizing activities to test and evaluate the learning outcomes; Results; Discussion; Some suggestions for research problem.

Keywords: *Assessment, learning outcomes, capacity approach, lecturers, learners.*

1. Đặt vấn đề

Thực hiện các Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI, trong đó có Nghị quyết Trung ương số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GD&ĐT), đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, giáo dục phổ thông trong phạm vi cả nước đang thực hiện đổi mới đồng bộ các yếu tố: mục tiêu, nội dung, phương pháp (PP), hình thức tổ chức, thiết bị và đánh giá chất lượng giáo dục”. Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục không thể bỏ qua khâu (kiểm tra đánh giá) KTĐG kết quả học tập (KQHT) của người học. Bởi đó là khâu quan trọng sau cùng của quá trình dạy-học. KTĐG KQHT là một trong những khâu quan trọng của quá trình dạy học. Đánh giá KQHT để biết được những thông tin cần thiết nhằm cải thiện hay phát huy năng lực cả người dạy và người học. Kiểm tra để thu thập thông tin, số liệu, bằng chứng về kết quả đạt được. Đánh giá để so sánh, đối chiếu với mục tiêu dạy học, đưa ra những kết luận, kế hoạch về quá trình dạy học. Đánh giá gắn liền với kiểm tra, nằm trong chu trình kín của quy trình dạy học, được tiến hành có hệ thống, để xác định mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ, qua đó xác định mức độ phát triển tư duy và trình độ được đào tạo của người học trong quá trình dạy-học.

Trong những năm qua, hoạt động KTĐG KQHT các môn học chuyên ngành Tin học ngành Khoa học máy tính, Sư phạm Tin học ở Trường Đại học Đồng Tháp cũng được tiến hành đánh giá và cập nhật theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD&ĐT, Về sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh phổ thông” có hiệu lực từ ngày 11 tháng 10 năm 2020, và việc đánh giá người học áp dụng theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT Quy chế đào tạo trình độ đại học và hướng dẫn đánh giá của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Qua thực tế giảng dạy cùng với việc đánh giá trong nhu cầu tuyển dụng của cộng đồng. Chúng tôi nhận thấy đối với sinh viên (SV) ngành Tin học nói chung cần được KTĐG KQHT theo hướng tiếp cận năng lực để phát huy năng lực SV từ sớm. Đánh giá KQHT theo hướng tiếp cận năng lực người được cho là bước cải tiến tất yếu của quá trình đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

2. Phương pháp và mục tiêu nghiên cứu

Quan sát quá trình học tập của SV; Đánh giá KQHT của SV qua thực tế giảng dạy; Tổ chức hoạt động KTĐG trên hai môn học, thu thập số liệu, thống kê và đối chiếu số liệu.

Đối tượng: SV của 02 lớp: ĐHCNTT2015, ĐHCNTT2017, tổng số: 40 SV; Trên hai học phần chuyên ngành Tin học: (1) Phân tích hệ thống hướng đối tượng; (2) Cơ sở dữ liệu nâng cao.

Thời gian: các năm học 2017-2018, 2018-2019 và 2019-2020.

Mục tiêu: So sánh các hình thức đánh giá KQHT của SV đối với một số môn chuyên ngành Tin học tại Trường Đại học Đồng Tháp để làm cơ sở cho việc áp dụng PP đánh giá trên các môn học khác của Bộ môn.

3. Nội dung

3.1. Một số khái niệm

Kiểm tra: “Kiểm tra được hiểu là những hoạt động nhằm thu thập và cung cấp những dữ kiện, thông tin về đối tượng làm cơ sở cho đánh giá. Việc đánh giá thường đi liền với kiểm tra. Tuy nhiên, không phải mọi sự kiểm tra đều nhằm vào mục đích đánh giá” (Trần Văn Hiếu, 2014, tr. 22). Hoạt động KTĐG KQHT của người học còn cung cấp thông tin ngược để đánh giá chất lượng, PP dạy học. Vì vậy, KTĐG KQHT của người học có quan hệ chặt chẽ với hoạt động giảng dạy và tổ chức học tập. Kiểm tra được hiểu là “Hoạt động đo lường kết quả thực tế và so sánh với những tiêu chuẩn, mục tiêu đã đề ra nhằm phát hiện những gì đã đạt được, chưa đạt được, nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng... Từ đó, tìm ra các biện pháp điều chỉnh, khắc phục nhằm đạt được mục tiêu” (Nguyễn Công Khanh, 2017, tr. 29).

Đánh giá là “Quá trình xác định mức độ thực hiện các mục tiêu của chương trình giáo dục” (Nguyễn Công Khanh, 2017, tr. 32). Trong quá trình dạy-học, đánh giá có vai trò quan trọng cho việc phân loại SV về: năng lực, phẩm chất, sở trường, năng khiếu... là cơ sở cho việc cải tiến PP dạy học, tổ chức lớp học, và cải tiến cách đánh giá phù hợp bắt kịp với xu hướng phát triển của xã hội. Tiếp cận năng lực SV, là PP, là cách tổ chức đánh giá của giảng viên (GV) thể hiện được: đa dạng các bài kiểm tra, chú trọng đến sự sáng tạo, PP học tập của SV, năng lực thực tế của mỗi SV/nhóm SV... Đánh giá KQHT của người học theo hướng tiếp cận năng lực là giải pháp dễ dẫn

dự SV đến hoạt động tự học, tự giáo dục, tự nghiên cứu. Đó là nền tảng căn bản để SV tự tin tham gia các dự án mới với kiến thức nghiên cứu luôn vượt xa hơn kiến thức trong các bài giảng, và các giáo trình chuyên môn...

3.2. Các phương pháp kiểm tra đánh giá hoạt động học tập

Đánh giá kết quả trong giáo dục là khâu sau cùng trong hoạt động dạy học, quá trình GD&ĐT. Là nền tảng căn bản cho mọi sự đổi mới đúng với mục tiêu giáo dục của mỗi ngành học, mỗi cơ sở GD&ĐT. Đánh giá là thể hiện giá trị thực trạng của sự phát triển giáo dục cũng như hiệu quả của giáo dục đối với cộng đồng xã hội. Cho nên mọi sự phát triển đều cần đến sự đánh giá để tìm ra những hạn chế cần khắc phục, tìm ra những ưu điểm, thế mạnh để phát huy năng lực người học một cách tích cực. Trong giáo dục nói chung, có rất nhiều PP để đánh giá KQHT người học như: PP dùng lời (phỏng vấn, thuyết trình, miệng); PP kiểm tra tự luận (viết); PP kiểm tra thực hành; kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan; và kết hợp giữa kiểm tra tự luận với trắc nghiệm... KTĐG trong thực tiễn sẽ nâng tầm giá trị và đổi mới những điểm hạn chế của lý luận, mà mọi sự phát triển đều được kế thừa có chọn lọc từ lý luận và thực tiễn.

Đánh giá KQHT của các môn học chuyên ngành Tin học không như những môn học khác, nó luôn có sự khác biệt và các điểm tương đồng. Cụ thể như sau: Việc đánh giá học phần được phân chia thành 2 loại: đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Với các dạng bài kiểm tra như: trắc nghiệm, tự luận, thực hành, báo cáo đồ án, thuyết trình sản phẩm qua sự mô phỏng của ngôn ngữ lập trình trên đối tượng SV hay nhóm SV. Tại Trường Đại học Đồng Tháp quy định hệ số tùy theo học phần. Đối với hệ số đánh giá quá trình tối đa không quá 50% tổng thành phần đánh giá, số lần đánh giá thường kỳ tùy vào sự tổ chức hoạt động dạy học của người dạy (có thể đưa ra các cách thực hiện KTĐG để SV chọn, thống nhất giữa thầy và trò) xác định dựa vào số tín chỉ (mức tối thiểu đánh giá quá trình: 1 tín chỉ 1 lần đánh giá), hình thức đánh giá có thể chọn các cách như: kiểm tra tự luận (viết), kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan, kiểm tra thực hành trên máy tính. Còn đối với đánh giá cuối kỳ hệ số thấp nhất 0,5, hình thức đánh giá có thể chọn tương tự như KTĐG quá trình.

Đánh giá định kỳ là đánh giá giáo dục của người

học sau một khoảng thời gian học tập, rèn luyện. Đánh giá để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của SV so với chuẩn kiến thức, kỹ năng được quy định trong chương trình đào tạo. Đánh giá định kỳ hay đánh giá thường xuyên không nhất thiết phải sử dụng hình thức bài kiểm tra trên lớp hay thực hành ở phòng máy tính. Đánh giá sao cho hình thức và công cụ đánh giá đạt được mục tiêu đo lường, đánh giá đúng năng lực của SV. Đánh giá định kỳ được chú trọng hay chọn lọc nội dung được KTĐG. Nội dung KTĐG có thể là một chương hay nhiều hơn. Kiểm tra định kỳ được SV quan tâm nhiều đến các nội dung được đánh giá, ở các mức (học thuộc, nhớ, hiểu, vận dụng, sáng tạo...) để thực hiện được các yêu cầu của bài kiểm tra. Bên cạnh đó, mức độ quan trọng của đánh giá tổng kết/định kỳ là rất cao, nên SV luôn chuẩn bị chu đáo các nội dung đánh giá cũng như ghi chép, chỉnh chu và cách trình bày bài thi một cách sáng sủa, đúng, đầy đủ, logic và khoa học.

3.3. Tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Theo Chương trình đánh giá học sinh quốc tế (Programme for International Student Assessment - PISA) là một khảo sát quốc tế do tổ chức OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development) đánh giá KQHT theo định hướng tiếp cận năng lực cần chú trọng vào khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong từng tình huống thực tế khác nhau. Đánh giá theo năng lực là đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ, đánh giá KQHT của người học đối với các môn học và hoạt động giáo dục theo quá trình hay ở mỗi giai đoạn học tập chính là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực, đồng thời có vai trò quan trọng trong việc cải thiện KQHT của học sinh. Mặt khác, đánh giá năng lực không hoàn toàn phải dựa vào chương trình giáo dục của từng môn học như đánh giá kiến thức, kỹ năng, bởi năng lực là tổng hòa, kết tinh kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm, giá trị, chuẩn mực đạo đức,... được hình thành từ nhiều môn học, lĩnh vực học tập khác nhau, và từ sự phát triển mọi mặt của một con người.

Qua tìm hiểu nghiên cứu các hình thức và PP KTĐG, chúng tôi đã lựa chọn các PP dạy học tùy theo đặc thù môn học. Từ năm 2017 đến 2020, chúng tôi tiến hành khảo sát và thực nghiệm việc đánh giá theo 2 hướng: (1) Đánh giá năng lực người học bằng PP

phát huy cá nhân hóa người học; (2) Đánh giá năng lực người học bằng kết hợp đa dạng hóa KTĐG theo dự án.

3.3.1. Đánh giá năng lực người học bằng phương pháp phát huy cá nhân hóa người học (nhóm 1)

Giải pháp dạy học tích cực kết hợp phát huy cá nhân hóa người học. Giải pháp này vận dụng các PP bao gồm: Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập cho người học, rèn luyện PP tự học cho người học trong quá trình giảng dạy, đổi mới hoạt động học tập của người học (tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác).

a. Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập cho người học

Trong PP tổ chức, người học là đối tượng của hoạt động “dạy” đồng thời là chủ thể của hoạt động “học” được cuốn hút vào các hoạt động học tập do GV tổ chức và điều hành, qua đó SV tự mình khám phá những điều chưa rõ. Hoạt động học tập này giúp cho SV không thụ động tiếp thu tri thức mà có sự tương tác, phản biện tích cực để tìm đến giá trị chân lý, khoa học của môn học. GV định hướng, đưa ra những tình huống của đời sống thực tiễn, để SV trực tiếp quan sát, thảo luận, thực hành, giải quyết vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ và cách diễn đạt của SV. Từ đó SV dễ dàng nắm được kiến thức, kỹ năng mới, và nắm được PP hiểu được kiến thức, kỹ năng. SV không bị cuốn theo những khuôn mẫu sẵn có, mà còn được bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo. Dạy học theo cách này đòi hỏi GV không chỉ giản đơn truyền đạt tri thức mà còn hướng dẫn SV thực hành. Cùng với sự định hướng của GV để SV tự tạo ra được sản phẩm sau quá trình học tập là cách đánh thức đam mê, nghiên cứu cho SV hiệu quả nhất. Vì vậy, chương trình học, nội dung dạy học phải được thiết kế sao cho giúp cho từng SV biết tư duy tích cực, thái độ tích cực để dẫn đến hành động tích cực, tự tin tham gia các chương trình học tập mới, các chương trình hành động của cộng đồng. Điều đó có nghĩa là khả năng học của SV được đánh giá cao, dễ tiếp cận đến các nội dung khoa học mới, biết cách thay đổi bản thân để phát huy phẩm chất, năng lực mỗi ngày được tốt hơn. Đó là cơ sở, là nền tảng căn bản để tự bản thân SV rèn luyện PP tự học một cách hiệu quả.

b. Rèn luyện phương pháp tự học cho người học

Rèn luyện phương pháp tự học cho người học là nhiệm vụ của người GV trong quá trình dạy học hay

làm nhiệm vụ cố vấn học tập cho SV. Để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ này đòi hỏi cả hai phía GV và SV có sự hợp tác tích cực trong mỗi môn học. Tuy nhiên đối với chuyên ngành Tin học SV có cần thực hiện tuần tự theo các bước như sau:

Tích cực SV tiếp nhận kiến thức môn học theo phương pháp học tập cá nhân;

Tương tác trực tiếp với GV trên lớp để làm sáng tỏ giá trị khoa học của môn học;

Thực hiện các yêu cầu cụ thể mà GV định hướng (có cả phần lý thuyết và thực hành);

Thực hiện các bài kiểm tra (đánh giá quá trình và tổng kết);

Thực hiện các chuyên đề của Bộ môn;

Thực hiện các đề án môn học, bài tập lớn kiến tập, thực tập và khóa luận tốt nghiệp.

Trong quá trình SV thực hiện nhiệm vụ từ GV đưa ra thì cả một quá trình SV phải tìm kiếm thông tin, tài liệu tham khảo, đọc, nghiên cứu, thử nghiệm, thực hiện nháp, chỉnh sửa và kiểm thử. Cuối cùng hoàn thiện những yêu cầu. Kết quả nghiên cứu của SV Tin học thường là những sản phẩm cụ thể. Ví dụ: mô phỏng website, trình ứng dụng về quản lý (quản lý nhân sự, quản lý bán hàng, quản lý tài sản, hành chính công...). Đặc thù của các môn học chuyên ngành Tin học cũng như chương trình đào tạo bậc buột SV phải thực hiện các yêu cầu môn học một cách nghiêm túc, trung thực. Điều đó thể hiện được sự chịu khó tư duy, sáng tạo của SV ngành Tin học nhằm tạo ra những sản phẩm ứng dụng phù hợp, tiện lợi cho người sử dụng.

c. Đổi mới hoạt động học tập của người học

Hoạt động học tập của SV được thực hiện ở lớp học là cách học truyền thống (xung quanh tròn vịn trong bốn bức tường, với không gian hẹp...), chưa phát huy hết năng lực, nội lực của SV. Vì vậy đổi mới hoạt động học tập của người học là yêu cầu tất yếu để SV giảm tối đa sức ỉ trong học tập; làm cho SV năng động hơn, biết tìm cách để đáp ứng yêu cầu của nhóm, lớp; tạo môi trường tương tác tích cực và khơi gợi ý tưởng sáng tạo của SV. Chúng tôi đã thực hiện đổi mới hoạt động học tập của người học như sau:

Thường xuyên tổ chức lớp học tại phòng thực hành (thiết bị điện tử, máy tính, thiết bị hỗ trợ khác cho môn học, ngành học...);

Chia nhỏ lớp học thành nhiều nhóm và đưa ra các yêu cầu khác nhau cho mỗi nhóm.

Sao cho mỗi buổi học một SV có mặt ít nhất trong hai nhóm (có nhiều cách chia nhóm, có thể chia theo danh sách lớp từ trên xuống, dưới lên, ngẫu nhiên, hạn chế nhóm do SV tự chọn).

Vì mỗi một lớp học thường trình độ kiến thức, tư duy của người học không đồng đều nên khi áp dụng phương pháp dạy học (PPDH) tích cực buộc phải chấp nhận sự phân hoá về cường độ, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ học tập. Mặt khác, SV hoạt động trong nhóm nhỏ sẽ thể hiện được năng lực cá nhân, năng lực làm việc nhóm, khả năng thuyết trình, giải trình, phản biện và đưa ra luận chứng để bảo vệ quan điểm của cá nhân/nhóm. Đây là nền tảng giúp SV trưởng thành hơn trong giao tiếp, ứng xử, chuẩn mực và những kỹ năng mềm cần thiết cho nghề nghiệp, cho cuộc sống. Lớp học là môi trường tương tác đa chiều giữa thầy - trò, trò - trò, thầy - trò - thiết bị hỗ trợ học tập, tạo nên mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân trên con đường chiếm lĩnh tri thức. Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, ý kiến mỗi cá nhân được bộc lộ (khẳng định hay bác bỏ) qua đó người học nâng mình lên một trình độ mới. Học tập hợp tác làm tăng hiệu quả học tập, nhất là trong lúc phải giải quyết những vấn đề khó khăn, lúc cần đến sự phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung (làm việc nhóm). Trong hoạt động theo nhóm nhỏ sẽ không thể có hiện tượng ỷ lại; tính cách năng lực của mỗi thành viên được bộc lộ, uốn nắn, phát triển tình bạn, ý thức tổ chức, tinh thần tương trợ... Mô hình hợp tác trong xã hội được vận dụng vào đời sống học đường sẽ làm cho các thành viên quen dần với sự phân công, hợp tác lao động trong xã hội.

3.3.2. Đánh giá năng lực sinh viên bằng kết hợp đa dạng hóa kiểm tra đánh giá theo dự án (nhóm 2)

Giải pháp dạy học hiện đại kết hợp đa dạng hóa KTĐG: đối với giải pháp này chúng tôi tiến hành vận dụng các PP hiện đại vào trong nội dung môn học: Dạy học theo dự án, dạy học seminar (báo cáo chủ đề), đề cao năng lực thuyết trình với đa dạng hóa hình thức KTĐG.

a. Dạy học theo dự án

Dạy học theo dự án là một hình thức dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm nhằm khuyến khích người học

khả năng sáng tạo và định hướng chuyên sâu chuyên môn. Nhiệm vụ này được SV thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Làm việc nhóm là hình thức cơ bản của dạy học theo dự án.

b. Dạy học seminar

Seminar là một hình thức tổ chức hoạt động giảng dạy, học tập được áp dụng trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu. Tiến hành buổi seminar, người học phải chủ động hoàn toàn các bước từ khâu chuẩn bị đề cương, trình bày nội dung, trao đổi, thảo luận; GV đóng vai trò hướng dẫn, định hướng, gợi ý, và chốt vấn đề. Người học phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực, tự giác; nâng cao năng lực tự học tập, nghiên cứu; rèn kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông đồng thời thực hiện tốt phương châm lý thuyết gắn với thực tiễn. Thông qua các câu hỏi thảo luận, nội dung bài giảng được tái hiện sinh động, sâu sắc hơn. Trong quá trình seminar, xuất hiện nhiều vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, vì vậy đây là biện pháp giúp người học phát hiện vấn đề và cùng giải quyết vấn đề trong quá trình học tập, qua đó hỗ trợ người học nắm bắt nội dung tốt và vận dụng nhận thức đó góp phần nâng cao kiến thức, kinh nghiệm cho bản thân. Đối với GV, người đóng vai trò trực tiếp điều khiển seminar sẽ có điều kiện nắm bắt những thông tin ngược chiều về chất lượng bài giảng, sự tiếp nhận tri thức từ phản hồi của SV. Đó là cơ sở cho GV có thể điều chỉnh cả về PP và nội dung giảng dạy ngày càng phù hợp với mỗi đối tượng hơn. Ngoài ra, qua seminar còn tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa GV và SV trong không gian lớp học, gần gũi và thân thiện.

c. Kết hợp nhiều hình thức kiểm tra đánh giá

Kết hợp đánh giá của GV cùng với sự đánh giá của SV nhằm mục đích nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động học của người học, đồng thời tạo điều kiện nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động dạy của GV. Trước đây, GV giữ độc quyền đánh giá người học. Trong PPDH tích cực, GV phải hướng dẫn SV phát triển kỹ năng tự đánh giá để tự điều chỉnh cách học phù hợp với mỗi PPDH. GV cần tạo điều kiện thuận lợi để SV được tham gia đánh giá lẫn nhau. Tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động kịp thời là năng lực rất cần cho sự thành đạt trong cuộc sống mà nhà trường phải trang bị cho SV. Theo hướng phát

triển các PPDH tích cực để đào tạo những con người năng động, sớm thích nghi với đời sống xã hội, thì việc KTĐG không thể dừng lại ở yêu cầu tái hiện các kiến thức, lặp lại các kỹ năng đã có, mà phải khuyến khích trí thông minh, óc sáng tạo trong việc giải quyết những tình huống thực tế một cách hợp lý và khoa học. Đó là bước đầu để chuyển từ dạy-học thụ động sang dạy-học tích cực, chủ động hơn.

Trong dạy-học tích cực, GV không còn đóng vai trò đơn thuần là người truyền đạt kiến thức, mà GV trở thành người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm nhỏ để SV tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của môn học, chương trình học. Vì vậy, theo đánh giá khách quan nhiều người cho rằng hoạt động trên lớp SV là người hoạt động chính, GV có vẻ nhàn hơn. Tuy nhiên, trước khi diễn ra quá trình dạy-học. GV phải công phu, chỉnh chu nội dung bài soạn, đầu tư công sức, thời gian rất nhiều so với cách dạy và học thụ động. Có như vậy GV mới có thể thực hiện bài lên lớp với vai trò là người gợi mở, xúc tác, động viên, cổ vũ, trọng tài trong các hoạt động tìm tòi hào hứng, tranh luận sôi nổi của SV. Vì vậy, GV phải có trình độ chuyên môn sâu, rộng, cả về kiến thức xã hội; khả năng cũng như kinh nghiệm sư phạm, xử lý tình huống thấu tình, đạt lý... mới có thể tổ chức, hướng dẫn các hoạt động của người học. Vì PPDH tích cực thường xuất hiện những diễn biến, ngữ cảnh ngoài tầm dự kiến của kế hoạch môn học hay giáo án được soạn trước. Bên cạnh đó, còn có nhóm SV ngoại lệ có thể sẽ để lại dư âm tích cực/tiêu cực đối với môn học, đối với tình huống cũng như những diễn biến trong quá trình tương tác trên lớp nhất là trong bối cảnh học tập trực tuyến như hiện nay.

3.4. Kết quả thu được

3.4.1. Tính hiệu quả

Những phương pháp và công cụ KTĐG thường sử dụng khi đánh giá từng thành phần theo năng lực bao gồm: (1) PP đánh giá: Viết, hỏi đáp, quan sát, đánh giá qua sản phẩm; (2) Công cụ đánh giá: Câu hỏi tự luận, bài tập tình huống (thực tiễn, thực nghiệm, đề kiểm tra, phiếu đánh giá), một dự án nhỏ trong tin học.

Vận dụng PP đánh giá và công cụ đánh giá, chúng tôi đã tiến hành KTĐG kết quả học tập theo nhóm 1, nhóm 2 bên trên, chúng tôi tiến hành tổ chức

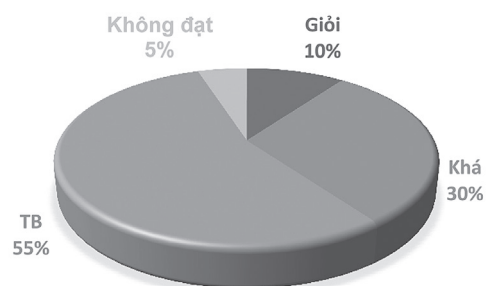
triển khai áp dụng cho 2 môn học khác nhau cho SV khóa 2015, khóa 2017 (khảo sát 40 SV trong 02 lớp), với công cụ là đề kiểm tra, kết quả như sau:

a. Kết quả đánh giá nhóm 1 đối với môn học Cơ sở dữ liệu nâng cao (khóa 2015), môn học Phân tích hệ thống hướng đối tượng (khóa 2017)

Việc triển khai KTĐG KQHT theo nhóm 1, chúng tôi đánh giá quá trình kiểm tra thường kỳ (KTTK) 2 lần/ môn học và 1 lần đánh giá cuối kỳ. Trọng số được xác định tương ứng 4:6. Việc đánh giá này do SV thực hiện cá nhân và GV đánh giá. Thời gian thực hiện kiểm tra có thời hạn (60 phút, 90 phút). Kết quả đánh giá thể hiện ở các Hình từ 1 đến 4 như bên dưới.

Trong đánh giá nhóm 1 của lớp ĐHCNTT15 chúng tôi đã thực nghiệm đánh giá trên môn học Cơ sở dữ liệu nâng cao. Kết quả thu được, có 10% SV đạt loại giỏi (bằng 02 SV có điểm trung bình từ 8,5 đến 8,9), 30% SV đạt loại khá (bằng 06 SV có điểm trung bình từ 7,0 đến 8,4), 55% SV đạt loại trung bình (bằng 11 SV có điểm trung bình từ 5,3 đến 6,4) và 5% SV không đạt với điểm trung bình bằng 4,7.

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI THEO NHÓM 1 - LỚP ĐHCNTT15

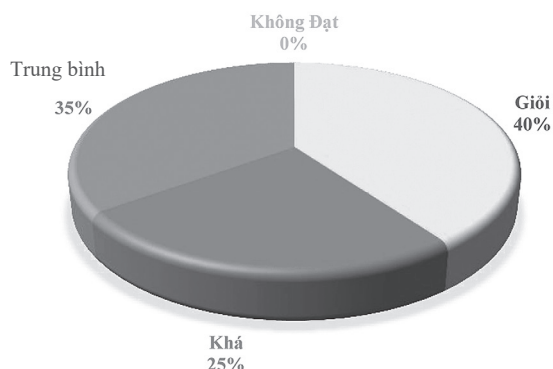


Hình 1. Kết quả kiểm tra, đánh giá, nhóm 1 - lớp ĐHCNTT15

Kết quả đánh giá theo nhóm 1 đối với lớp ĐHCNTT17 thu được kết quả như Hình 2 bên dưới. Với cách đánh giá này cho thấy kết quả học tập của SV phân hóa rõ rệt và độ lệch về điểm có lợi cho SV nhiều hơn, cụ thể như sau: Lớp ĐHCNTT17 có 20 SV, môn học được thực nghiệm đánh giá là Phân tích hệ thống hướng đối tượng. Kết quả thu được 40% SV loại giỏi (bằng 08 SV có điểm trung bình từ 8,0 đến 9,4), 25% SV loại khá (bằng 05 SV có điểm trung bình từ 7,0 đến 7,5), 35% SV loại trung bình (bằng

07 SV có điểm trung bình từ 6,3 đến 6,9) và không có SV xếp loại không đạt.

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI THEO NHÓM 1 - LỚP ĐHCNTT17



Hình 2. Kết quả kiểm tra, đánh giá, nhóm 1 - lớp ĐHCNTT17

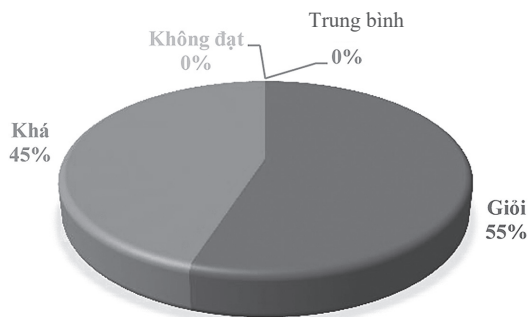
b. Kết quả đánh giá nhóm 2 đối với môn học Phân tích hệ thống hướng đối tượng (khóa 2015), môn học Cơ sở dữ liệu nâng cao (khóa 2017)

Việc triển khai KTĐG KQHT theo nhóm 2, chúng tôi đánh giá quá trình 5 lần/ môn học và 1 lần đánh giá cuối kỳ. Trọng số được xác định tương ứng 4:6. Việc đánh giá này do SV thực hiện cá nhân, nhóm và GV cùng SV đánh giá. Trong đó, KTTK L1: Cá nhân thực hiện, GV đánh giá; KTTK L2: nhóm thực hiện seminar, GV và SV cùng đánh giá; KTTK L3: cá nhân thuyết trình, GV và SV cùng nhận xét đánh giá; KTTK L4: kỹ năng làm việc nhóm, GV và SV cùng nhận xét đánh giá; KTTK L5: Nhóm tổng hợp dự án, GV và SV cùng nhận xét đánh giá; Cuối kỳ: Sản phẩm demo của dự án (sản phẩm phần mềm Tin học); GV đánh giá. Việc đánh giá theo phương pháp này, chúng tôi đánh giá dựa trên các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Kết quả thống kê phân loại theo điểm trung bình thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo nhóm 2 như Hình 3 bên dưới.

Kết quả khảo sát của Hình 3 được thực nghiệm trên môn học Phân tích hệ thống hướng đối tượng, lớp ĐHCNTT15, lớp này có 20 SV. Bằng cách đánh giá này chúng tôi thu được kết quả 11 SV có điểm trung bình đạt loại giỏi (điểm từ 8,2 đến 8,9), chiếm 55% trên tổng số SV có bài kiểm tra trong lớp. Tiếp đến là 09 SV đạt loại khá có điểm trung bình từ 7,0 đến 7,8 chiếm 45%. Không có SV đạt điểm trung bình và không có SV bị đánh giá không đạt. Cách đánh

giá này phân hóa SV nhiều hơn và hạn chế tối đa SV học không đạt yêu cầu đánh giá.

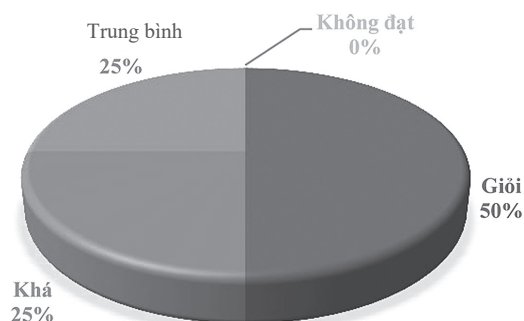
KẾT QUẢ PHÂN LOẠI THEO NHÓM 2 - lớp ĐHCNTT15



Hình 3. Kiểm tra, đánh giá theo nhóm 2 - lớp ĐHCNTT15

Tương tự như trên, kết quả thống kê phân loại theo điểm trung bình thực hiện nhóm 2 của lớp ĐHCNTT17 như sơ đồ Hình 4

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI THEO NHÓM 2 - LỚP ĐHCNTT17



Hình 4. Kiểm tra, đánh giá nhóm 2 - lớp ĐHCNTT17

Hình 4 thể hiện kết quả thực nghiệm trên 20 SV của lớp ĐHCNTT17 với môn học Cơ sở dữ liệu nâng cao. Kết quả khảo sát cho thấy có 3 mức mà SV được xếp loại là giỏi, khá và trung bình. Trong đó, loại giỏi chiếm 50% (bằng 10 SV với số điểm trung bình từ 8,9 đến 9,5), loại khá chiếm 25% với 05 SV có điểm trung bình từ 7,0 đến 7,9 và loại trung bình chiếm 25% với 05 SV đạt điểm trung bình từ 5,5 đến 6,8. Tùy thuộc vào nội dung môn học, thời lượng mà người dạy chọn một phương pháp đánh giá phù hợp. Chúng tôi rất quan tâm đến việc tạo điều kiện học tập cho SV, chọn cách đánh giá có lợi cho SV nhằm khuyến khích SV tích cực học tập và học tập hiệu quả hơn.

3.4.2. Nhận xét

KTĐG KQHT của SV theo nhóm 1 và nhóm 2 có sự khác biệt đáng kể.

KTĐG theo nhóm 1: GV và SV ít tốn thời gian và công sức; nhưng có sự phân hóa rõ rệt giữa các cá nhân (Giỏi, Khá, Trung bình, Không đạt), khoảng cách điểm chênh lệch lớn. Từ số liệu thống kê cho thấy SV KQHT ở mức giỏi không cao chỉ từ 10% đến 40%, SV đạt mức khá từ 25% đến 30%, SV đạt mức trung bình là nhiều nhất từ 35% đến 55%, xuất hiện giá trị các con số ở mức đánh giá SV không đạt là 5%. Cách đánh giá theo nhóm 1 không đem đến nhiều lợi ích cho SV.

KTĐG theo nhóm 2: GV và SV phải thực hiện bài kiểm tra nhiều lần, tốn cần có nhiều thời gian và

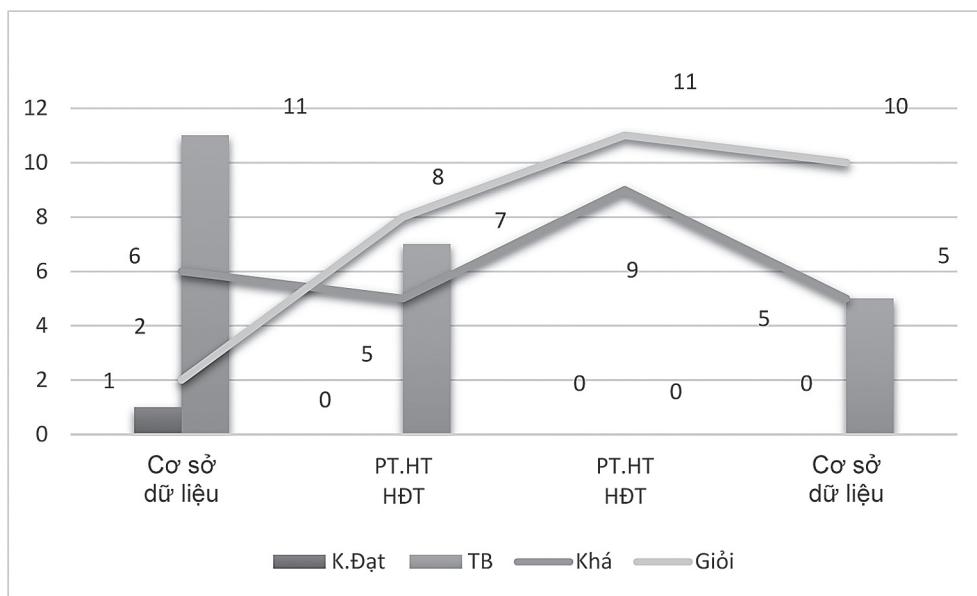
công sức; kết quả có sự phân hóa ít (Giỏi, Khá, Trung bình). Các số liệu thống kê cho thấy tỷ lệ giỏi chiếm cao nhất trong ba mức đánh giá, SV giỏi chiếm từ 50% đến 55% trở lên, SV khá chiếm từ 25% đến 45%, mức trung bình chỉ có 25% và mức không đạt bằng 0%.

Bảng số liệu nhận xét và các biểu đồ về số lượng SV ở cách KTĐG KQHT của người học ở nhóm 2 có lợi cho SV nhiều hơn ở cách đánh giá theo nhóm 1. Thực tế cho thấy, hiện nay nhiều nhà tuyển dụng cần đến phẩm chất năng lực của các ứng viên, nhưng những điểm số được đánh thể hiện trong bảng điểm cũng là yếu tố quan trọng, là bộ mặt của hồ sơ xin việc. Qua đó đánh giá được tầm ảnh hưởng của tổ chức nhà trường đến cộng đồng, một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp phục vụ, cống hiến cho xã hội...

Bảng 1. Số liệu so sánh giữa hai nhóm KTĐG KQHT của SV

Loại <

Từ bảng số liệu trên chúng tôi mô phỏng kết quả nhận xét bằng Hình 5 bên dưới:



Hình 5. Minh họa kết quả KTĐG KQHT của SV qua hai môn học Cơ sở dữ liệu nâng cao và phân tích hệ thống hướng đối tượng

Thuận lợi trong KTĐG: Con số đánh giá tác động tích cực đến SV nhằm đổi mới cách học, cách tiếp cận tri thức; bên cạnh đó là động lực cho GV dám thay đổi, dám thử nghiệm các cách đánh giá nhằm đem lại nhiều lợi ích cho người học. SV có nhiều lần kiểm tra, nhiều lần ôn tập kiến thức để hoàn thành bài KTĐG. Nghĩa là SV dành nhiều thời gian hơn cho môn học, chương học, bài học. Vì vậy, kiến thức sẽ khắc sâu hơn, thành thục hơn các thao tác, kỹ năng, cũng như biết định hướng, giải quyết vấn đề khi vận dụng kiến thức vào các môn học sau. Sau khi kết thúc môn học, khảo sát bằng hỏi về các kiến thức, kỹ năng, thái độ của SV đặc thù chuyên ngành tin học sau khi học, chúng tôi nhận thấy rằng việc đánh giá theo nhóm 2, 78% (31/40) SV được trả lời tự tin, mạnh dạn hơn trong các phát biểu, năng động trong các môn học khác

Khó khăn trong KTĐG: GV cần nhiều thời gian, công sức đầu tư cho việc thiết nội dung đề kiểm tra/ thi phù hợp với mỗi mức độ cần đánh giá SV. Kiểm tra đánh giá nhiều lần ít/nhiều gây áp lực cho SV.

4. Một số đề xuất cho nghiên cứu

KTĐG là khâu chắc chắn phải thực hiện ở mỗi môn học. Để Bộ môn Tin học có những đổi mới về đánh giá năng lực SV, GV cần lưu ý một số nội dung như sau:

Đối với cố vấn học tập: Phải giới thiệu thật kỹ về những nội dung liên quan đến KTĐG, để SV không bỡ ngỡ bởi cách đánh giá, dạy học tiếp cận năng lực nhằm giúp SV học tập, rèn luyện đạt được hiệu quả cao hơn.

Đối với cán bộ chuyên trách ở khoa: Phải rà soát về các quy định, quy chế KTĐG khi SV cần được tư vấn hay thắc mắc cách đánh giá giữa các môn học không chuyên, các môn học chuyên ngành của mỗi chuyên ngành có ít/nhiều sự khác biệt.

Đối với GV trực tiếp giảng dạy: Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho SV trong quá trình học tập, rèn luyện tại trường Đại học Đồng Tháp như: cung cấp tài liệu, nhiệt tình với SV, chia sẻ khó khăn với SV trong quá trình tiếp cận tri thức, thực hiện các nghiên cứu khoa học, thực hiện đồ án môn học, và thực tập nghề nghiệp...

Đối với nhà trường: Công nhận và phổ biến PP KTĐG KQHT của ngành Tin học với những nhóm

ngành đào tạo tương tự nhằm hướng đến mục tiêu lợi ích cho người học nhiều nhất và mục tiêu GD&ĐT nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

5. Kết luận

Chọn lựa cách thức KTĐG KQHT cho người học là yếu tố quan trọng trong hoạt động dạy học của mỗi người GV. Vì PP, cách thức đánh giá phù hợp với SV sẽ làm cộng hưởng và tăng thêm động lực học cho SV. Mỗi giải pháp trong đánh giá luôn có những điểm ưu và hạn chế riêng, không có giải pháp đánh giá nào là toàn vẹn. Cho nên, GV cần thiết phải nghiên cứu kỹ từng đặc thù môn học, từng đặc điểm bộ môn và từng nhóm đối tượng người học. GV cần phối kết hợp đa dạng các PPDH, KTĐG KQHT là việc cần thiết để nâng cao chất lượng GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Giáo dục Trung học. (2014), *Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh các môn học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học*. Ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018.
- Hồ Cẩm Hà. (2019). *Hướng dẫn dạy học môn Tin học trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông mới*. Hà Nội: NXB Giáo dục .
- James H. McMillan (Viện đại học quốc gia Virginia). (2001). *Đánh giá lớp học - Những nguyên tắc và thực tiễn về giảng dạy hiệu quả*. Allyn và Bacon London - Tokyo-Singapore.
- Nguyễn Công Khanh. (2017). *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Trần Văn Hiếu. (2014). *Giáo trình đánh giá trong giáo dục*. NXB Đại học Huế.
- Trần Thị Bích Liễu. (2005). *Quản lý dựa vào nhà trường con đường nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Trần Thị Tuyết Oanh. (2014). *Đánh giá kết quả học tập*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.